

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Trong đó: NSTW						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chẩn bị đầu tư
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22						
	TỔNG SỐ						276.575	252.390	254.325				145.533			122.472					
A	VỐN TRONG NƯỚC						265.462	243.878	244.008				137.023			106.485					
A1	DỰ ÁN ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ CHI TIẾT						228.303	208.219	213.159				137.023			70.706					
I	Thành phố Điện Biên Phủ						6.089	5.826	5.826				5.234			591					
a)	Các dự án hoàn thành 2024						6.089	5.826	5.826				5.234			591					
1	Xây dựng nhà văn hóa bán Tân Quang xã Thanh Minh	Nhóm C	Xã Thanh Minh		2024 - 2024	Số 121/QĐ-UBND, ngày 06/10/2023	566	566	566				538			28					
2	Nâng cấp đường bê tông lên khu sản xuất pha I, bán Nà Nghệ, xã Thanh Minh	Nhóm C	Xã Thanh Minh		2023 - 2024	Số 1668/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023	5.523	5.260	5.260				4.696			564					
II	Huyện Điện Biên						100.065	80.394	80.394				54.747			25.647					
a)	Các dự án hoàn thành 2024						39.102	34.578	34.578				27.016			7.562					
*	Xã nông thôn mới						18.436	17.608	17.608				12.185			5.423					
1	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội bán thôn Thanh Đông, thôn Thanh Bình B (từ ngã ba thôn Thanh Bình đến cầu Bán Lát) xã Thanh Luông, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Luông		2024	Số 144/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023	1.906	1.715	1.715				1.662			53					
2	Đường dẫn sinh thôn 6 xã Pom Lát, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Pom Lát		2024	Số 148/QĐ-UBND, ngày 26/10/2023	1.264	1.138	1.138				1.081			57					
3	Xây dựng ngầm tràn, đường giao thông vào khu dân cư, khu sản xuất Nà Tấu, bán Nà Khoang, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Mường Nhà		2024	Số 3010/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023	2.128	2.128	2.128				1.000			1.128					
4	Kiến cố hóa kênh cấp III đội 9, kênh tưới tiêu đội 9, đội 12, đội 16, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Xương		2024	Số 3064/QĐ-UBND, ngày 24/10/2023	2.200	2.200	2.200				1.000			1.200					
5	Bê tông hóa kênh thủy lợi tuyến từ sân vận động xã xoàng bán Pa Lếch; nối tiếp kênh Pa Lếch; tuyến thôn Việt Thanh 5 xoàng thôn Thanh sơn; Tuyến Hồng Thanh đến hạ thế; kênh Việt Thanh 4; Tuyến Thanh Hà đến giáp Thanh Yên; nối tiếp kênh Hồng Thanh 7 xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Chấn		2024	Số 2694/QĐ-UBND, 26/9/2023	2.538	2.538	2.538				1.000			1.538					
6	Bê tông hóa tuyến đường: Trục bán Pa Bói; Nối tiếp đường trục thôn Yên Trường; Nối tiếp đường trục bán Pa Pháy xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Yên		2024	Số 206/QĐ-UBND, ngày 23/10/2023	2.486	2.237	2.237				1.500			737					

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025									Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Trong đó: NSTW							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chẩn bị đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
7	Bê tông hóa trục đường nội thôn A1, Đại Thành, Thanh Sơn, bản Noong Luông, bản U Va xã Noong Luông, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Luông		2024	Số 187/QĐ-UBND, ngày 26/10/2023	4.616	4.154	4.154					3.500				654				
8	Kiến cố hóa kênh mương thôn Hoàng Công Chất xã Thanh An, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh An		2024	Số 2416/QĐ-UBND, ngày 21/8/2023	1.498	1.498	1.498					1.442				56				
a	Huyện nông thôn mới (Vốn NS huyện quản lý)						11.655	8.159	8.159					6.845				1.314				
1	Đường giao thông thôn bản và đường liên thôn bản xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Hưng		2024	Số 3009/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023	4.370	3.059	3.059					2.000				1.059				
2	Đường dẫn sinh Thôn 1, 2, 3, 5, 7, Bản Pom Lát, xã Pom Lát, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Pom Lát		2024	Số 3197/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023	2.857	2.000	2.000					1.939				61				
3	Làm mới tuyến đường từ thôn Việt Thành 4 sang bản Pom Mỏ Thỏ xã Thanh Chân, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Chân		2024	Số 3440/QĐ-UBND, ngày 23/11/2023	1.571	1.100	1.100					946				154				
4	Nhà văn hóa thể thao và các hạng mục phụ trợ xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hẹt		2024	Số 3441/QĐ-UBND, ngày 23/11/2023	2.857	2.000	2.000					1.960				40				
a	Xã Noong Hẹt đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu						8.811	8.811	8.811					7.986				825				
1	Công chào xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hẹt		2024	Số 2873/QĐ-UBND, ngày 06/10/2023	200	200	200					200								
2	Nâng cấp, mở rộng, kê và lát vỉa hè 2 bên lề đường trục chính; cải tạo hệ thống thoát nước 2 bên đường xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hẹt		2024	Số 3031/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023	4.500	4.500	4.500					3.800				700				
3	Đường bê tông nội thôn Văn Biễn, Văn Tấn xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hẹt		2024	Số 3092/QĐ-UBND, ngày 25/10/2023	1.111	1.111	1.111					1.081				30				
4	Đường bê tông nội thôn Hợp Thành, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hẹt		2024	Số 3032/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023	1.000	1.000	1.000					962				38				
5	Đường bê tông nội thôn Tân Lập xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hẹt		2024	Số 3091/QĐ-UBND, ngày 25/10/2023	1.000	1.000	1.000					947				53				
6	Đường BT nội thôn của bản Mỏ, bản Noong Hẹt, thôn 24 xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hẹt		2024	Số 3434/QĐ-UBND, ngày 22/11/2023	1.000	1.000	1.000					996				4				
b)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						49.203	34.442	34.442					27.731				6.711				
	Huyện nông thôn mới (Vốn NS tỉnh quản lý)						49.203	34.442	34.442					27.731				6.711				
1	Nâng cấp đường liên xã từ QL279 Thanh An - Noong Hẹt - Sam Mùn huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Sam Mùn		2024-2025	Số 108/QĐ-UBND, ngày 28/02/2023	16.000	11.200	11.200					8.563				2.637				
2	Nâng cấp đường liên xã từ QL12 vào xã Thanh Chân - Thanh Yên huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Yên		2024-2025	Số 2209/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	17.703	12.392	12.392					8.318				4.074				
3	Kiến cố kênh tưới tiêu từ thôn Văn Tấn xã Noong Hẹt đến khu ruộng bản Na Vai, xã Pom Lát, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hẹt		2024-2025	Số 2210/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	15.500	10.850	10.850					10.850								
c)	Các dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025						11.760	11.374	11.374									11.374				
a	Huyện nông thôn mới						1.286	900	900									900				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025									Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Trong đó: NSTW							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22							
1	Bê tông hoá nối tiếp tuyến đường từ bản Na Khua sang bản Púng nhệu xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Chấn		2025	Số 244/QĐ-UBND, ngày 01/11/2024	1.286	900	900								900					
*	Xã Noong Hẹt mới						8.025	8.025	8.025								8.025					
**	Dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025																					
1	Đường BT thôn Văn Biên, Duyện Long, bản Mỏ xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hẹt		2025	Số 209/QĐ-UBND, ngày 22/10/2023	800	800	800								800					
2	Kênh cấp 3 đoạn từ giáp trại giam C10 đến đường quốc lộ xã Sam Múm, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Sam Múm		2025	Số 197/QĐ-UBND, ngày 10/10/2023	607	607	607								607					
3	Kênh mương từ Co Phén đến ruộng ông Phong bản Hua Nả xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Nưa		2025	Số 218/QĐ-UBND, ngày 28/10/2023	800	800	800								800					
4	Nối tiếp kênh Thanh Bình - Co Róm từ ao nhà ông Kiệm đến ruộng bản Hồng Lạnh, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Nưa		2025	Số 217/QĐ-UBND, ngày 28/10/2023	165	165	165								165					
6	Bê tông hóa các tuyến hóa các tuyến đường giao thông nối đồng đội 4a, đội 4b, đội 5 xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Xương		2025	Số 192/QĐ-UBND, ngày 07/10/2023	1.315	1.315	1.315								1.315					
8	Đường bê tông nối bản Tin Lán, Huổi Hua xã Núa Ngam, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Núa Ngam		2025	Số 211/QĐ-UBND, ngày 23/10/2023	2.738	2.738	2.738								2.738					
9	Đường nội đồng bản Ten Núa xã Núa Ngam, huyện Điện Biên (cấp phối)	Nhóm C	Xã Núa Ngam		2025	Số 215/QĐ-UBND, ngày 24/10/2023	200	200	200								200					
10	Đường giao thông bản Na Lóm, kẻ và đường bản Tông Khao xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Thanh Nưa		2025	Số 201/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023	1.100	1.100	1.100								1.100					
14	Đường bê tông bản Mỏ xã Noong Hẹt đi tắt sang xã Thanh An huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hẹt		2025	Số 213/QĐ-UBND, ngày 23/10/2023	300	300	300								300					
	Xã Noong Hẹt đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu						2.449	2.449	2.449								2.449					
*	Dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025																					
1	Nâng cấp đường bê tông và Cầu từ QL 279 đến kênh Đại thủy nông xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Nhóm C	Xã Noong Hẹt		2025	Số 205/QĐ-UBND, ngày 18/10/2023	2.449	2.449	2.449								2.449					
III	Huyện Tuần Giáo						25.000	25.000	25.000				13.796				11.204					
b)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						25.000	25.000	25.000				13.796				11.204					
1	Đường giao thông bản Bồng Ban + bản Bằng Sắn	Nhóm C	Xã Quai Tô			Số 99/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023	6.000	6.000	6.000				3.500				2.500				KCM 2024	
2	Đường giao thông Hời Nọ	Nhóm C	Xã Quai Tô			Số 100/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023	5.100	5.100	5.100				2.500				2.600				KCM 2024	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025									Kế hoạch vốn NSTW năm 2025			Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Trong đó: NSTW						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
3	Đường giao thông bán Ngựa	Nhóm C	Xã Quai Tè			Số 101/QĐ-UBND, ngày 24/1/2023	6.000	6.000	6.000				3.000				3.000				KCM 2024
4	Nâng cấp thủy lợi bán Cỏ - bán Lạ	Nhóm C	Xã Quai Tè			Số 102/QĐ-UBND, ngày 24/1/2023	1.900	1.900	1.900				1.805				95				KCM 2024
5	Đường giao thông bán Cường + bán Giảng	Nhóm C	Xã Quai Cæg			Số 103/QĐ-UBND, ngày 24/1/2023	3.200	3.200	3.200				1.500				1.700				KCM 2024
6	Đường giao thông bán Cang	Nhóm C	Xã Quai Nưa			Số 104/QĐ-UBND, ngày 24/1/2023	2.800	2.800	2.800				1.491				1.309				KCM 2024
IV	Huyện Điện Biên Đông						25.051	25.051	25.051				24.621				18				
a)	Các dự án hoàn thành 2024						25.051	25.051	25.051				24.621				18				
1	Nâng cấp đường liên bản Ten Luống - Thảm Trầu xã Chiềng Sơ	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1654/QĐ-UBND, ngày 18/9/2022	3.000	3.000	3.000				2.995								
2	Nâng cấp đường liên bản Bản Mè - Háng Tàu xã Chiềng Sơ	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1655/QĐ-UBND, ngày 18/9/2022	4.000	4.000	4.000				3.924								
3	Đường Điện Bản Háng Pa xã Chiềng Sơ (51 hộ)	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1623/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022	4.500	4.500	4.500				4.417								
4	Đường Điện bản Háng Tàu Chiềng Sơ (59 hộ)	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1622/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022	3.691	3.691	3.691				3.622				18				
5	Đường Điện Bản Thảm Trầu xã Chiềng Sơ (40 hộ)	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1618/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022	5.350	5.350	5.350				5.243								
6	Đường Điện Bản Keo Đũa xã Chiềng Sơ (53 hộ)	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1621/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022	2.000	2.000	2.000				1.960								
7	Đường Điện Bản Nà Ly xã Chiềng Sơ (44 hộ)	Nhóm C	Xã Chiềng Sơ		2023-2024	Số 1620/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022	2.510	2.510	2.510				2.460								
V	Nường Chà						25.000	25.000	25.000				20.830				4.170				
a)	Các dự án hoàn thành 2024						7.600	7.600	7.600				7.600								
1	Nhà Văn hóa - thể thao xã Năm Nền	Nhóm C			2.024	Số 5442/QĐ-UBND, ngày 28/9/2023	3.000	3.000	3.000				3.000								
2	Nước sinh hoạt bán Phường Đất A, xã Năm Nền	Nhóm C			2.024	Số 5441/QĐ-UBND, ngày 28/9/2023	2.400	2.400	2.400				2.400								
3	Nâng cấp đường bê tông từ đường QL6 vào bán Năm Nền 1,2, xã Năm Nền	Nhóm C			2.024	Số 5663/QĐ-UBND, ngày 09/10/2023	2.200	2.200	2.200				2.200								
b)	Các dự án hoàn thành năm 2025						14.000	14.000	14.000				11.077				2.923				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025									Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Trong đó: NSTW							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 150 - bán Nậm Piên, xã Mường Tùng	Nhóm C			2.024	Số 5755/QĐ-UBND, ngày 13/10/2023	14.000	14.000	14.000					11.077				2.923				
c)	Các dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025						3.400	3.400	3.400					2.153				1.247				
1	Đường ngõ xóm các bản Nậm Nền 1, Nậm Nền 2, Hồ Múc, Cờ Táng xã Nậm Nền	Nhóm C			2.025	Số 2085/QĐ-UBND, ngày 23/4/2024	3.400	3.400	3.400					2.153				1.247				
VI	Huyện Nậm Pồ						12.024	12.024	16.964					2.154				9.870				
a)	Các dự án hoàn thành, 2024						2.154	2.154	2.154					2.154								
1	Đường bê tông nội bản Pa Có, xã Chà Nưa	Nhóm C	Xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ		2023-2024	Số 1799/QĐ-UBND, ngày 15/9/2023	2.154	2.154	2.154					2.154								
b)	Dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025						9.870	9.870	14.810									9.870				
1	Mô hình phát triển sản phẩm OCOP về du lịch bản Nả Sủ, xã Chà Nưa huyện Nậm Pồ	Nhóm C	Xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ		2023-2025	Số 4507/QĐ-UBND, ngày 29/10/2024	9.870	9.870	14.810									9.870				
VII	Thị xã Mường Lay						3.150	3.000	3.000					3.000								
b)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						3.150	3.000	3.000					3.000								
1	Hệ thống nước sinh hoạt (nước sạch) các bản, xã Lay Nưa	Nhóm C	xã Lay Nưa		2023-2025	Số 1026/QĐ-UBND, ngày 18/10/2023	3.150	3.000	3.000					3.000								
VII	Huyện Mường Ảng						14.154	14.154	14.154					3.946				10.208				
a)	Các dự án hoàn thành 2024						4.154	4.154	4.154					3.946				208				
1	Đường nội bản Co Hám, xã Ảng Nưa	Nhóm C	Xã Ảng Nưa		2024-2025	Số 4081/QĐ-UBND, ngày 15/11/2023	1.900	1.900	1.900					1.805				95				
2	Đường đi khu sản xuất bản Tát Hẹ, xã Ảng Nưa (Giai đoạn 1)	Nhóm C	Xã Ảng Nưa		2024-2025	Số 4082/QĐ-UBND, ngày 15/11/2023	2.254	2.254	2.254					2.141				113				
c)	Dự án khởi công mới hoàn thành năm 2025						10.000	10.000	10.000									10.000				
1	Khu xử lý rác thải rắn sinh hoạt xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	Nhóm C	Xã Búng Lao		2024-2025	Số 2987/QĐ-UBND, ngày 30/10/2024	10.000	10.000	10.000									10.000			ĐA khởi công mới năm 2025	
IX	Huyện Tủa Chùa						17.770	17.770	17.770					8.695				8.997				
a)	Các dự án hoàn thành 2024						7.000	7.000	7.000					6.437				485				
1	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Sung Ún, xã Mường Bằng	Nhóm C	Xã Mường Bằng		2023-2024	Số 2755/QĐ-UBND, ngày 29/9/2023	2.000	2.000	2.000					2.000								
2	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Phai Tung, xã Mường Bằng	Nhóm C	Xã Mường Bằng		2023-2024	Số 2901/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023	2.500	2.500	2.500					2.500								
3	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn cụm 1 thôn Pù Ổn, xã Mường Bằng	Nhóm C	Xã Mường Bằng		2024	Số 3033/QĐ-UBND, ngày 14/11/2023	2.500	2.500	2.500					1.937				485				
c)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						10.770	10.770	10.770					2.258				8.512				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025									Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Trong đó: NSTW							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22							
e)	Vốn chưa đủ điều kiện để phân bổ						4.810	4.810													Số vốn 4.940 tr đã bổ sung vào tổng mức đầu tư dự án mô hình phát triển OCOP	
VII	Huyện Mường Ảng						2.997	2.997	2.997													
1	Nhà văn hoá bán Na Luông, xã Ảng Nưa						1.697	1.697	1.697												Bổ sung dự án giai đoạn 2021-2025, khởi công mới năm 2025	
2	Khu xử lý rác thải rắn sinh hoạt xã Bung Lao, huyện Mường Ảng						1.300	1.300	1.300												Số vốn 1.300 hết nhiệm vụ chi, dự kiến trình HĐND tỉnh bố trí cho dự án này có nhu cầu bổ sung TMDT	
IX	Huyện Tủa Chùa						9.660	9.660	9.660												9.660	
5	Đường nội thôn Háng Trờ, xã Mường Báng	Nhóm C	Xã Mường Báng		2024-2025		3.000	3.000	3.000												Dự án bổ sung mới	
6	Đường ra khu sản xuất thôn Phiêng Bung, xã Mường Báng	Nhóm C	Xã Mường Báng		2024-2025		2.660	2.660	2.660													
7	Đường nội thôn Phiêng Bung, xã Mường Báng	Nhóm C	Xã Mường Báng		2024-2025		4.000	4.000	4.000													
B	VỐN NƯỚC NGOÀI						11.113	8.512	10.317				8.510					15.987				
B1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên						11.113	8.512	10.317				8.510					15.987				
I	Bổ trợ vốn bổ sung cho các dự án đã được phê duyệt						11.113	8.512	10.317				8.510					1.807				
1	Trạm Y tế xã Năm Kè, huyện Mường Nhé					Số 101/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	1.320	1.052	1.552				1.052					500			Bổ sung tổng mức đầu tư để bổ sung các hạng mục phụ trợ	
2	Trạm Y tế xã Mường Luân huyện Điện Biên Đông					Số 3303/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	1.430	1.122	1.622				1.122					500			Bổ sung tổng mức đầu tư để bổ sung các hạng mục phụ trợ	
3	Trạm Y tế xã Năm Khăn, huyện Năm Pô					Số 2216/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	2.270	1.739	2.237				1.737					500			Bổ sung tổng mức đầu tư để bổ sung các hạng mục phụ trợ	
4	Trạm Y tế xã Phu Luông, huyện Điện Biên					Số 351/QĐ-UBND ngày 19/02/2024	6.093	4.599	4.906				4.599					307			Bổ sung tổng mức đầu tư để bổ sung nhà công vụ	
II	Bổ sung danh mục dự án đầu tư (Phân bổ chỉ tiết sau khi được cấp có thẩm quyền bổ sung nội dung đầu tư)																	14.180			(Phân bổ chỉ tiết sau khi được cấp có thẩm quyền bổ sung nội dung đầu tư)	
1	TYT xã Na Cô Sa, huyện Năm Pô																				TYT cũ phải di dời ra vị trí khác	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch vốn NSTW năm 2025				Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Trong đó: NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22									
2	TYT xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ																				Đầu tư mới từ năm 2015 chưa được đồng bộ và chưa được duy tu bảo dưỡng
3	TYT xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ																				Bổ sung kế BT chấn đất
4	TYT xã Chá Tở, huyện Nậm Pồ																				Bổ sung kế BT chấn đất
5	TYT xã Huổi Mý, huyện Mường Chá																				Đầu tư mới từ năm 2017 chưa được đồng bộ và chưa được duy tu bảo dưỡng
6	TYT xã Thanh Chân, huyện Điện Biên																				Đầu tư mới từ năm 2016 chưa được đồng bộ và chưa được duy tu bảo dưỡng
7	TYT xã Thanh Xương, huyện Điện Biên																				Đầu tư mới từ năm 2012 chưa được đồng bộ và chưa được duy tu bảo dưỡng
8	TYT xã Na Tông, huyện Điện Biên																				Một số các hạng mục phụ trợ chưa được đầu tư
9	TYT xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên																				Một số các hạng mục phụ trợ + Nhà cấp phát thuộc Methadone
10	TYT xã Mường Lói, huyện Điện Biên																				Một số các hạng mục phụ trợ + Nhà cấp phát thuộc Methadone
11	TYT xã Nà Tông, huyện Tuần Giáo																				Một số các hạng mục phụ trợ chưa được đầu tư
12	TYT xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo																				Một số các hạng mục phụ trợ chưa được đầu tư
13	TYT xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ																				Bổ sung nội dung đầu tư